

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 Năm học 2024 - 2025
Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh C1

MMH:(ENGL4099) Ngày thi: 16/03/2025

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
1	2057010001	Bùi Thị Khánh	An	49	50	49	493	Không đạt	
2	2157010004	Lê Nguyễn Bình	An	46	42	51	463	Không đạt	
3	1857010002	Lê Quốc	An	51	52	54	523	Không đạt	
4	2451012001	Nguyễn Bình	An	48	58	58	547	Đạt	
5	2057010003	Nguyễn Hà Thanh	An	47	46	43	453	Không đạt	CTr. CL cao
6	2057012004	Nguyễn Mỹ	An	52	45	52	497	Không đạt	CTr. CL cao
7	2357010007	Trần Thiên	An						Vắng thi
8	2257010003	Nguyễn Trương Minh	Ấn	56	58	57	570	Đạt	CTr. CL cao
9	1957012008	Đào Thị Hoàng	Anh	52	58	53	543	Đạt	
10	2057010015	Huỳnh Thị Kim	Anh	43	42	49	447	Không đạt	
11	2157010019	Lê Nguyễn Mai	Anh	52	55	50	523	Không đạt	CTr. CL cao
12	2257010006	Ngô Lê Phương	Anh	52	50	55	523	Không đạt	CTr. CL cao
13	2257010007	Ngô Thị Hải	Anh	50	45	53	493	Không đạt	
14	2157010026	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	43	40	56	463	Không đạt	
15	2057012013	Nguyễn Minh	Anh	49	48	48	483	Không đạt	CTr. CL cao
16	1857010012	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh						Vắng thi
17	2157013002	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	62	58	65	617	Đạt	CTr. CL cao
18	2057010045	Phạm Thị Kiều	Anh	51	54	54	530	Không đạt	
19	2057010056	Trần Lê Quỳnh	Anh						Vắng thi
20	2257012012	Trần Ngọc Trâm	Anh						Vắng thi
21	1757010016	Trần Quốc	Anh	51	48	51	500	Không đạt	
22	2057012018	Kiều Kim	Ánh	50	42	49	470	Không đạt	CTr. CL cao
23	1857010033	Nguyễn Hoài	Ân	47	48	54	497	Không đạt	
24	2057010073	Nguyễn Lê Thanh	Ân	47	42	60	497	Không đạt	CTr. CL cao
25	2057012021	Trần Gia	Bảo	49	54	55	527	Không đạt	CTr. CL cao
26	2257010010	Võ Thị Hồng	Cẩm	44	48	52	480	Không đạt	
27	2157010088	Trần Xuân	Công	54	56	53	543	Không đạt	CTr. CL cao
28	2157010076	Đoàn Ngọc Minh	Châu	55	53	57	550	Đạt	CTr. CL cao
29	2054022011	Mai Nguyễn Trân	Châu	48	44	53	483	Không đạt	CTr. CL cao
30	2257010013	Huỳnh Thị Kim	Chi	54	40	53	490	Không đạt	CTr. CL cao
31	2157013009	Lê Lưu	Dân						Vắng thi
32	2157010098	Ngô Tùng	Diệp	43	38	43	413	Không đạt	CTr. CL cao
33	2157010099	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	33	33	38	347	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
34	2157010103	Bùi Ngọc Phương	Dung	53	59	61	577	Đạt	
35	2157013011	Lê Thị Kim	Dung	42	50	49	470	Không đạt	
36	2157010115	Lê Trần Khánh	Duy	44	31	44	397	Không đạt	
37	2157013013	Nguyễn Phương	Duy	48	47	52	490	Không đạt	CTr. CL cao
38	2057010124	Phạm Đức	Duy						Vắng thi
39	1657010068	Vũ Quốc	Duy	50	58	58	553	Đạt	CTr. CL cao
40	2157010121	Bùi Thị Thúy	Duyên	52	54	51	523	Không đạt	
41	2157013014	Huỳnh Nguyễn Trúc	Duyên	51	52	53	520	Không đạt	CTr. CL cao
42	2257010024	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	43	40	46	430	Không đạt	
43	2257010021	Lê Thùy	Dương	46	55	58	530	Không đạt	
44	2157010135	Nguyễn Thị Hồng	Đào						Vắng thi
45	2257010015	Nguyễn Thị Kim	Đào	50	53	63	553	Đạt	
46	2157010141	Nguyễn Thành	Đạt	48	47	55	500	Không đạt	
47	2157010145	Đường Minh Hải	Đăng	46	50	58	513	Không đạt	
48	2057010147	Võ Nguyễn Mạnh	Đình						Vắng thi
49	2257010019	Trương Phan Hoài	Đức	45	46	52	477	Không đạt	
50	2057012041	Văn Hiền	Đức	54	56	60	567	Đạt	
51	2157010158	Lương Nguyễn Quỳnh	Giao	50	48	59	523	Không đạt	CTr. CL cao
52	2057012043	Huỳnh Thị Thu	Hà						Vắng thi
53	1957010060	Nguyễn Lê Nhật	Hà	44	48	45	457	Không đạt	CTr. CL cao
54	2257010026	Lê Hoàng Tuấn	Hải	43	44	54	470	Không đạt	
55	2157010171	Lê Trung	Hải	52	52	52	520	Không đạt	CTr. CL cao
56	2057010186	Nguyễn Thị Diễm	Hăng	51	54	47	507	Không đạt	CTr. CL cao
57	2257010033	Nguyễn Thị Ái	Hậu	38	40	38	387	Không đạt	CTr. CL cao
58	2257010034	Trần Văn	Hậu	42	35	44	403	Không đạt	
59	2057010212	Trương Ngọc	Hậu	54	56	57	557	Đạt	CTr. CL cao
60	2157010195	Đặng Trần Bảo	Hân	56	54	57	557	Đạt	CTr. CL cao
61	2157010197	Giang Thị Ngọc	Hân	51	56	53	533	Không đạt	
62	2257010027	Hà Thúy	Hân	44	43	47	447	Không đạt	CTr. CL cao
63	1857010090	Hứa Bảo Hân	Hân	56	57	49	540	Đạt	
64	2157010198	Huỳnh Ngọc	Hân	52	52	55	530	Không đạt	CTr. CL cao
65	2157010201	Lê Ngọc Gia	Hân	52	47	54	510	Không đạt	
66	2157013021	Ngô Thị Nhã	Hân	52	43	59	513	Không đạt	CTr. CL cao
67	2257010028	Nguyễn Giai	Hân	55	53	61	563	Đạt	
68	2257010029	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	53	54	58	550	Đạt	
69	1957010070	Trần Gia	Hân	54	58	45	523	Không đạt	CTr. CL cao
70	2157010226	Nguyễn Thị Thu	Hiền						Vắng thi
71	2057010221	Trần Thu	Hiền	52	49	50	503	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
72	2057010226	Trần Trung	Hiếu	53	51	53	523	Không đạt	CTR. CL cao
73	2157013027	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	49	55	59	543	Đạt	
74	1957010091	Lê Nguyễn Hiền	Hòa	40	38	44	407	Không đạt	CTR. CL cao
75	1957010086	Nguyễn Thị Vân	Hòa	33	38	34	350	Không đạt	CTR. CL cao
76	2257010036	Cao Thanh	Hoài	45	43	48	453	Không đạt	CTR. CL cao
77	2157010240	Lê Thị Thu	Hoài	46	45	54	483	Không đạt	CTR. CL cao
78	2257010037	Lê Thị Kim	Hoàng	41	48	44	443	Không đạt	
79	2157010243	Nguyễn Phi	Hoàng	45	47	44	453	Không đạt	
80	2057010242	Trần Châu Mỹ	Hoàng	54	59	61	580	Đạt	
81	2167010022	Võ Anh	Hoàng						Vắng thi
82	2257010038	Võ Minh	Hoàng	53	50	59	540	Không đạt	CTR. CL cao
83	2157010248	Nguyễn Kim	Hồng	44	50	49	477	Không đạt	
84	1857010118	Đào Trung	Huy	54	52	56	540	Đạt	
85	2057010253	Đỗ Gia	Huy						Vắng thi
86	2157010256	Nguyễn Gia	Huy	50	66	59	583	Đạt	
87	2157010271	Nguyễn	Huỳnh	55	52	52	530	Không đạt	
88	2054132020	Nguyễn	Hưng						Vắng thi
89	2157013036	Nguyễn Hữu	Hưng	51	47	51	497	Không đạt	
90	2157010281	Lê Thị Cẩm	Hường						Vắng thi
91	2257010043	Nguyễn Thị Huyền	Hương	47	50	55	507	Không đạt	CTR. CL cao
92	1957012115	Ngô Tuấn	Kiệt	54	55	56	550	Đạt	CTR. CL cao
93	2157010313	Nguyễn Anh	Kiệt	57	61	49	557	Đạt	CTR. CL cao
94	1851050073	Nguyễn Hữu Hoàng	Kiệt						Vắng thi
95	2357010140	Trần Minh	Kiệt	55	54	57	553	Đạt	CTR. CL cao
96	2157010314	Trịnh Gia	Kiệt	54	53	53	533	Không đạt	
97	2257012082	Nguyễn Thị Bạch	Kim	51	44	45	467	Không đạt	CTR. CL cao
98	2257010053	Dương Quốc	Kỳ	36	41	45	407	Không đạt	
99	1857010138	Đinh Quang	Khải	52	57	49	527	Không đạt	
100	2057012058	Lâm Chánh	Khang	51	59	56	553	Đạt	CTR. CL cao
101	2257010047	Bùi Gia Nhất	Khanh	56	54	63	577	Đạt	
102	2157013040	Văn Hoàng	Khanh	50	48	52	500	Không đạt	
103	2157010297	Nguyễn Hữu Lam	Khánh	45	55	60	533	Không đạt	
104	2257010050	Đặng Đăng	Khoa						Vắng thi
105	2057012062	Ngô Hoàng Đăng	Khoa	55	47	51	510	Không đạt	
106	2354050055	Trần Đăng	Khoa	45	49	64	527	Không đạt	
107	2257012086	Đoàn Ngọc Phương	Lam	39	35	43	390	Không đạt	CTR. CL cao
108	2157013044	Ngô Thị Thạch	Lam	46	52	45	477	Không đạt	
109	2057012068	Võ Thị Tú	Lan	51	59	54	547	Không đạt	CTR. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
110	2257010054	Nguyễn Đình	Lân	49	48	54	503	Không đạt	
111	2157013046	Phan Thị Mỹ	Liên	56	50	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
112	2157010333	Bùi Nguyễn Phương	Linh	51	52	54	523	Không đạt	
113	2157013047	Bùi Thị Thùy	Linh	38	35	40	377	Không đạt	
114	2157013048	Hoàng Ánh	Linh	54	53	57	547	Không đạt	CTr. CL cao
115	1957010120	Lê Thị Thùy	Linh	49	52	55	520	Không đạt	CTr. CL cao
116	2157013049	Lý Gia	Linh	40	50	46	453	Không đạt	
117	2157013050	Nguyễn Ánh Hoài	Linh	53	52	49	513	Không đạt	CTr. CL cao
118	2157010345	Nguyễn Hồng Ngọc	Linh	45	44	49	460	Không đạt	CTr. CL cao
119	2257012090	Nguyễn Huỳnh Nhật	Linh	51	49	58	527	Không đạt	CTr. CL cao
120	21H70B0006	Trần Thị Mỹ	Linh	51	47	49	490	Không đạt	
121	2257012092	Trần Thị Phương	Linh						Vắng thi
122	2257010056	Trương Thị Thùy	Linh	52	45	55	507	Không đạt	
123	2257012094	Võ Huỳnh Phương	Linh						Vắng thi
124	1957010132	Phan Vĩnh	Lợi	46	43	49	460	Không đạt	CTr. CL cao
125	2257012101	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Lưu						Vắng thi
126	2157010365	Đình Nguyễn Mỹ	Ly						Vắng thi
127	2257012102	Đỗ Chu Khánh	Ly	50	45	60	517	Không đạt	CTr. CL cao
128	2257010059	Mai Hoàng Cẩm	Ly	52	56	42	500	Không đạt	
129	2157013055	Nguyễn Thị Thảo	Ly	50	52	49	503	Không đạt	CTr. CL cao
130	2157010367	Nguyễn Thị Trúc	Ly	47	44	44	450	Không đạt	CTr. CL cao
131	2057010395	Bùi Huỳnh Trúc	Mai	53	60	64	590	Đạt	CTr. CL cao
132	2257010060	Bùi Lê Quỳnh	Mai	46	45	57	493	Không đạt	CTr. CL cao
133	2057010396	Bùi Thị Ngọc	Mai	53	59	54	553	Đạt	CTr. CL cao
134	2157010371	Nguyễn Hồ Quỳnh	Mai						Vắng thi
135	2057010403	Nguyễn Thị Thanh	Mai	49	46	52	490	Không đạt	
136	2157010377	Võ Xuân	Mai	56	62	68	620	Đạt	
137	2157013058	Lư Triệu	Mẫn	51	47	48	487	Không đạt	CTr. CL cao
138	2157013059	Trương Huệ	Mẫn	45	38	53	453	Không đạt	CTr. CL cao
139	2057010414	Nguyễn Ngọc Thúy	Mi	51	54	56	537	Không đạt	CTr. CL cao
140	1957010139	Đỗ Quế	Minh	48	51	50	497	Không đạt	CTr. CL cao
141	2057010420	Lê Hồng	Minh	42	29	44	383	Không đạt	CTr. CL cao
142	1957010144	Đoàn Thị Trà	My						Vắng thi
143	2057010442	Võ Nguyễn Thảo	My	33	38	39	367	Không đạt	CTr. CL cao
144	2157010404	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	52	54	49	517	Không đạt	CTr. CL cao
145	2257012112	Vũ Hoàng	Mỹ	48	45	47	467	Không đạt	CTr. CL cao
146	2157010412	Kiều Thị Thanh	Nga	54	56	46	520	Không đạt	CTr. CL cao
147	1957012137	Nguyễn Thị	Nga	50	50	49	497	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
148	2057010462	Đinh Thị Khánh	Ngân	48	43	29	400	Không đạt	CTr. CL cao
149	2057012081	Lâm Thị Bích	Ngân	51	54	53	527	Không đạt	CTr. CL cao
150	1957012140	Lý Phan Kim	Ngân	54	58	63	583	Đạt	
151	2157010428	Mai Huỳnh Kim	Ngân	53	55	54	540	Không đạt	CTr. CL cao
152	2157010430	Mai Tuyết	Ngân	51	56	51	527	Không đạt	CTr. CL cao
153	2257012117	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	46	44	46	453	Không đạt	CTr. CL cao
154	2057010475	Nguyễn Thị Kim	Ngân	49	54	48	503	Không đạt	CTr. CL cao
155	2257012118	Nguyễn Thị Phương	Ngân	43	37	49	430	Không đạt	
156	2057010477	Nguyễn Thị Thùy	Ngân						Vắng thi
157	2257012119	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	45	44	53	473	Không đạt	
158	2157013064	Phạm Võ Kim	Ngân	54	50	53	523	Không đạt	CTr. CL cao
159	1757010167	Phùng Nguyễn Phương	Ngân						Vắng thi
160	1957010169	Trần Tuyết	Ngân	44	51	56	503	Không đạt	
161	21H70B0007	Trần Thị Thảo	Ngân	51	59	57	557	Đạt	
162	1957012144	Trương Kim	Ngân	44	46	51	470	Không đạt	
163	2257010068	Huỳnh Mẫn	Nghi	48	48	59	517	Không đạt	
164	2057010489	Lâm Gia	Nghi	50	38	49	457	Không đạt	CTr. CL cao
165	2257010069	Nguyễn Huỳnh Gia	Nghi	46	45	54	483	Không đạt	
166	2157010444	Nguyễn Lê Dung	Nghi	51	43	49	477	Không đạt	
167	2157013066	Phương Hồng	Nghi	46	51	50	490	Không đạt	
168	2057010493	Trần Kim	Nghi						Vắng thi
169	1957012146	Lâm Trọng	Nghĩa						Vắng thi
170	2257012127	Hà Châu Bảo	Ngọc	49	46	54	497	Không đạt	CTr. CL cao
171	2257012128	Hoàng Phương Bảo	Ngọc	51	50	59	533	Không đạt	CTr. CL cao
172	2157013068	Huỳnh Lê Như	Ngọc	53	57	59	563	Đạt	CTr. CL cao
173	2257012129	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	52	44	49	483	Không đạt	CTr. CL cao
174	2157010453	Lê Nguyễn Yến	Ngọc	52	35	47	447	Không đạt	
175	2057010503	Lê Thị Hồng	Ngọc	53	56	60	563	Đạt	
176	2257010072	Ngô Bảo	Ngọc	54	55	51	533	Không đạt	CTr. CL cao
177	2357010202	Nguyễn Dương Thu	Ngọc	46	50	58	513	Không đạt	
178	2057012087	Nguyễn Kim	Ngọc	43	47	46	453	Không đạt	CTr. CL cao
179	2157010458	Nguyễn Lê Yến	Ngọc						Vắng thi
180	2157010459	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc						Vắng thi
181	2157010460	Nguyễn Thị Uyên	Ngọc	48	37	47	440	Không đạt	
182	2157013071	Phan Trần Minh	Ngọc	47	60	50	523	Không đạt	
183	2257010075	Trần Thị Bích	Ngọc	49	52	52	510	Không đạt	
184	2257012131	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	42	42	49	443	Không đạt	CTr. CL cao
185	2057010519	Đặng Thị	Nguyên	51	54	64	563	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
186	1957010188	Huỳnh Thị Kim	Nguyên	52	50	45	490	Không đạt	
187	2257010076	Nguyễn Trương Thanh	Nguyên	44	54	54	507	Không đạt	
188	2257010077	Phạm Thị Phú	Nguyên	53	52	57	540	Đạt	
189	2157010483	Tân Nguyễn Thu	Nhàn	52	52	51	517	Không đạt	
190	2257012138	K'	Nhấn	48	50	65	543	Đạt	
191	2451010032	Đình Đức	Nhân	54	62	67	610	Đạt	CTr. CL cao
192	2157010489	Nguyễn Trọng	Nhân	45	44	52	470	Không đạt	
193	2057012091	Lê Thị Hoài	Nhi						Vắng thi
194	2257012140	Lê Yến	Nhi	38	40	50	427	Không đạt	CTr. CL cao
195	2257012141	Lý Ngọc	Nhi	42	46	44	440	Không đạt	CTr. CL cao
196	2157010945	Mang Diệu	Nhi	46	42	38	420	Không đạt	
197	2257010080	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	44	40	51	450	Không đạt	CTr. CL cao
198	2257012145	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	33	40	47	400	Không đạt	CTr. CL cao
199	2257010083	Trần Yến	Nhi						Vắng thi
200	2057012095	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	48	56	49	510	Không đạt	CTr. CL cao
201	2157010517	Phạm Thị	Nhung	46	33	45	413	Không đạt	CTr. CL cao
202	1957010209	Lai Thanh Phương	Như	49	44	48	470	Không đạt	CTr. CL cao
203	2257012150	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	54	48	52	513	Không đạt	
204	2257012151	Lê Yến	Như	47	49	49	483	Không đạt	
205	2157010520	Mai Trần Phương	Như	43	44	50	457	Không đạt	CTr. CL cao
206	2057010590	Nguyễn Dương Ngọc	Như	42	29	36	357	Không đạt	
207	2257012153	Nguyễn Ngọc	Như	41	51	54	487	Không đạt	
208	2257010084	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	51	56	58	550	Đạt	
209	2357010233	Trần Lâm	Như	51	54	56	537	Không đạt	CTr. CL cao
210	2057010600	Trần Lâm Quỳnh	Như	51	52	44	490	Không đạt	CTr. CL cao
211	1957012172	Trịnh Phan Quỳnh	Như	53	56	57	553	Đạt	CTr. CL cao
212	2157010531	Vũ Hoàng Quỳnh	Như	41	48	47	453	Không đạt	CTr. CL cao
213	2157010543	Nguyễn Đăng	Phúc	51	55	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
214	2157010550	Vĩnh Bảo	Phúc						Vắng thi
215	2057010642	Nguyễn Hoàng Bích	Phương	51	43	56	500	Không đạt	
216	2157010554	Bùi Nguyễn Uyên	Phương	54	50	57	537	Không đạt	CTr. CL cao
217	21H70B0010	Đặng Hồng	Phương	50	45	38	443	Không đạt	
218	2157010561	Nguyễn Hồ Thanh	Phương	48	50	48	487	Không đạt	CTr. CL cao
219	2257010091	Nguyễn Hồng Loan	Phương	47	46	54	490	Không đạt	
220	2257010092	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	57	58	65	600	Đạt	
221	2057012108	Nguyễn Thái	Quân	50	48	49	490	Không đạt	CTr. CL cao
222	2257010093	Trần Mỹ	Quý	47	46	52	483	Không đạt	CTr. CL cao
223	1857010294	Trần Thị	Quyên	42	48	39	430	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
224	2157010601	Huỳnh Nguyễn Phương	Quỳnh	45	37	43	417	Không đạt	CTr. CL cao
225	2057010679	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	51	58	61	567	Đạt	
226	1957012208	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	47	56	59	540	Không đạt	CTr. CL cao
227	2057010681	Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	54	57	44	517	Không đạt	
228	1854010357	Trần Phan Diễm	Quỳnh	45	47	34	420	Không đạt	CTr. CL cao
229	2157010611	Trần Thị Như	Quỳnh	52	42	55	497	Không đạt	
230	2157010617	Đỗ Cao	Tài		54			Không đạt	Vi phạm QC
231	2157013092	Tô Thanh	Tài	45	52	57	513	Không đạt	
232	2157010624	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	51	58	59	560	Đạt	CTr. CL cao
233	2157013093	Phan Thị Mỹ	Tâm	50	56	64	567	Đạt	
234	1957012212	Vũ Minh	Tâm	59	64	56	597	Đạt	CTr. CL cao
235	2257012237	Võ Lê Anh	Tiên	50	54	53	523	Không đạt	
236	2257010126	Võ Nguyễn Triệu	Tiên	36	35	34	350	Không đạt	
237	2157010744	Nguyễn Ngọc	Tiên	51	56	55	540	Đạt	
238	21H70B0013	Phan Thị Cẩm	Tiên	52	54	54	533	Không đạt	
239	2157010750	Võ Thị Thủy	Tiên						Vắng thi
240	2257010128	Lê Song	Toàn	47	53	61	537	Không đạt	CTr. CL cao
241	1957010300	Nguyễn Phạm Bá	Toàn						Vắng thi
242	2057010935	Nguyễn Thanh	Tú	54	47	50	503	Không đạt	CTr. CL cao
243	2257010138	Dương Gia	Tuấn	51	53	63	557	Đạt	
244	2257012262	Ngô Lê Công Anh	Tuấn	39	46	46	437	Không đạt	
245	2157013120	Nguyễn Anh	Tuấn	45	50	47	473	Không đạt	
246	2257012263	Nguyễn Anh	Tuấn						Vắng thi
247	2057010927	Nguyễn Lý Thanh	Tuyên	48	48	48	480	Không đạt	CTr. CL cao
248	2157010837	Nguyễn Phương	Tuyên	45	52	57	513	Không đạt	
249	2157013095	Phan Quốc	Thái	55	54	54	543	Không đạt	CTr. CL cao
250	2157010635	Trần Quan	Thái	54	58	57	563	Đạt	CTr. CL cao
251	2257012188	Võ Văn	Thái						Vắng thi
252	2454032305	Nguyễn Trần Quốc	Thắng						Vắng thi
253	2157010627	Nguyễn Đặng Thái	Thanh	53	57	54	547	Đạt	
254	1957010250	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	52	33	46	437	Không đạt	
255	1757010246	Patâuxá Thị	Thanh						Vắng thi
256	2157010632	Võ Thị Phương	Thanh	52	56	52	533	Không đạt	
257	2057012115	Vũ Ngọc Quế	Thanh	52	56	55	543	Không đạt	CTr. CL cao
258	2357010292	Nguyễn Tuấn	Thành	49	51	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
259	2257010101	Lê Thị Ngọc	Thảo	41	37	48	420	Không đạt	
260	2257012198	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	45	46	54	483	Không đạt	
261	2057010726	Nguyễn Thanh	Thảo	45	46	54	483	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
262	2257012200	Phạm Lâm Thanh	Thảo	50	43	54	490	Không đạt	CTr. CL cao
263	2157013099	Phan Thị Thanh	Thảo	51	45	47	477	Không đạt	
264	2157010656	Võ Thị Thanh	Thảo	50	54	59	543	Đạt	
265	2057010748	Lê Thị Hồng	Thêm	49	58	60	557	Đạt	
266	2157010662	Nguyễn Ngọc	Thi						Vắng thi
267	2257010103	Phạm Thị Anh	Thi	43	46	53	473	Không đạt	
268	1957012222	Lê Minh	Thống	50	50	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
269	2257010107	Ngô Thị Thành	Thơ	51	57	51	530	Không đạt	
270	2157010673	Nguyễn Thị Nhã	Thơ	29	41	43	377	Không đạt	
271	2257012208	Phạm Thị Anh	Thơ	43	44	50	457	Không đạt	
272	1857010345	Trần Thị Minh	Thơ	44	49	49	473	Không đạt	CTr. CL cao
273	2057010761	Đinh Thị Mộng	Thu	54	35	58	490	Không đạt	
274	2057010764	Nguyễn Thị Xuân	Thu						Vắng thi
275	1957012223	Vũ Thị Chiêu	Thu	50	56	57	543	Đạt	
276	2057012123	Trần Minh	Thuận	56	54	55	550	Đạt	
277	1757010278	Vũ Thị	Thùy	46	53	61	533	Không đạt	
278	2257012231	Lê	Thủy	51	57	63	570	Đạt	
279	2257010122	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	43	37	45	417	Không đạt	CTr. CL cao
280	2057010768	Nguyễn Thị	Thuyền	54	53	53	533	Không đạt	
281	2157010694	Đỗ Thị Anh	Thư	52	52	50	513	Không đạt	
282	2257012212	Huỳnh Anh	Thư	47	51	59	523	Không đạt	
283	2157010698	Lê Nguyễn Huyền	Thư						Vắng thi
284	2157010699	Lê Thị Anh	Thư	54	56	47	523	Không đạt	
285	2057010791	Nguyễn Anh	Thư	52	57	55	547	Không đạt	CTr. CL cao
286	2157010706	Nguyễn Anh	Thư	51	55	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
287	2157013108	Nguyễn Thị Minh	Thư	56	53	67	587	Đạt	CTr. CL cao
288	2157013110	Nguyễn Thị Hoài	Thương	47	45	48	467	Không đạt	CTr. CL cao
289	2157010733	Huỳnh Ngọc Anh	Thy	52	43	47	473	Không đạt	CTr. CL cao
290	1957012240	Nguyễn Thị Mai	Thy						Vắng thi
291	2157010756	Đặng Huyền	Trang	41	45	52	460	Không đạt	
292	2357010357	Hoàng Thị Yến	Trang						Vắng thi
293	2157010760	Nguyễn Quỳnh	Trang	52	54	49	517	Không đạt	CTr. CL cao
294	2157010762	Nguyễn Thị Huyền	Trang	50	41	49	467	Không đạt	
295	1957012252	Nguyễn Thị Huyền	Trang						Vắng thi
296	2257010130	Võ Ngọc Hồng	Trang	31	41	44	387	Không đạt	CTr. CL cao
297	2057010864	Bùi Bảo	Trâm	52	48	40	467	Không đạt	CTr. CL cao
298	1757010301	Đinh Lê Thùy	Trâm	50	51	54	517	Không đạt	CTr. CL cao
299	2057010869	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	43	41	38	407	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
300	1957012261	Lưu Huỳnh Bảo	Trân						Vắng thi
301	2157010785	Lý Huệ	Trân	48	43	46	457	Không đạt	CTr. CL cao
302	2157010786	Nguyễn Đăng Bảo	Trân	49	48	49	487	Không đạt	
303	1857010388	Nguyễn Tuyết	Trân						Vắng thi
304	2057010880	Phạm Ngọc Bảo	Trân	50	50	43	477	Không đạt	CTr. CL cao
305	2157010809	Trần Nguyễn Minh	Trí	50	48	54	507	Không đạt	
306	2067010050	Nguyễn Phúc Hải	Triều	54	37	39	433	Không đạt	
307	2257010132	Đặng Phương	Trình	49	54	59	540	Đạt	
308	2057010890	Hồ Thị Diễm	Trình	45	48	53	487	Không đạt	
309	2257010134	Nguyễn Thị Thùy	Trình	46	37	49	440	Không đạt	CTr. CL cao
310	2157013119	Hoàng Thanh	Trúc	53	54	65	573	Đạt	CTr. CL cao
311	1757010320	Trần Thị Thanh	Trúc	45	44	54	477	Không đạt	
312	2157013118	Phan Phụng	Trung	56	59	61	587	Đạt	CTr. CL cao
313	2257012256	Phan Thế	Trung	51	58	59	560	Đạt	
314	2157010820	Đặng Nguyễn Quang	Trường	53	50	40	477	Không đạt	
315	2157013121	Dương Thị Tuệ	Uyên	46	48	54	493	Không đạt	CTr. CL cao
316	2157010863	Phạm Phương	Uyên	38	41	32	370	Không đạt	
317	2257012272	Phan Thu	Uyên	42	41	54	457	Không đạt	
318	2157010864	Sử Phương	Uyên	56	56	59	570	Đạt	CTr. CL cao
319	2257012273	Trần Nguyễn Minh	Uyên	48	54	60	540	Đạt	
320	2157010867	Vũ Lê	Uyên	51	45	59	517	Không đạt	CTr. CL cao
321	2257010140	Bùi Ngọc Anh	Vân	50	50	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
322	2157010870	Bùi Thị Cẩm	Vân	54	59	57	567	Đạt	
323	2157010876	Nguyễn Trúc	Vân	53	56	49	527	Không đạt	
324	2157013125	Phù Thanh	Vân	41	41	50	440	Không đạt	CTr. CL cao
325	2057010954	Trần Thị Thanh	Vân	52	52	50	513	Không đạt	CTr. CL cao
326	2157010878	Trần Thị Thùy	Vân	53	59	54	553	Đạt	
327	2157010881	Lê Thị Khánh	Vi	46	33	45	413	Không đạt	
328	2257010142	Lê Phương	Vĩ	47	52	55	513	Không đạt	
329	1857050144	Lưu Minh	Việt	56	59	59	580	Đạt	
330	2257012281	Nguyễn Trương Anh	Vũ	50	52	53	517	Không đạt	
331	2057010967	Bùi Phạm Anh	Vy	51	51	49	503	Không đạt	CTr. CL cao
332	2057010968	Bùi Thúy	Vy	52	53	48	510	Không đạt	CTr. CL cao
333	2157013127	Dương Thị Thanh	Vy	52	52	53	523	Không đạt	CTr. CL cao
334	2157010898	Lê Đỗ Ngân	Vy	51	49	60	533	Không đạt	
335	2157010899	Lê Thị Thanh	Vy	43	41	49	443	Không đạt	CTr. CL cao
336	2157010902	Nguyễn Lê	Vy	46	49	55	500	Không đạt	CTr. CL cao
337	2157013128	Nguyễn Thúy	Vy	52	51	53	520	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
338	2157010910	Nguyễn Thụy Tường	Vy	43	47	47	457	Không đạt	CTr. CL cao
339	2257010146	Phan Lê Hà	Vy						Vắng thi
340	2157013129	Quách Thảo	Vy	56	54	63	577	Đạt	CTr. CL cao
341	2157010919	Trần Khánh	Vy	56	57	63	587	Đạt	CTr. CL cao
342	2157013133	Nguyễn Hải	Yến	48	50	58	520	Không đạt	CTr. CL cao
343	2057011008	Trịnh Bảo	Yến	44	41	40	417	Không đạt	CTr. CL cao
344	2157010938	Vũ Thị Hồng	Yến	45	40	54	463	Không đạt	CTr. CL cao

Số sinh viên dự thi : 298

Số sinh viên vắng thi : 46

Số sinh viên đạt chuẩn : 62

TRƯỜNG PHÒNG

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Lê Thị Vũ Anh

Nguyễn Thanh Hải